

Bản án số: 257/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13/5/2022

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thân

2. Ông Trần Vũ Vương

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 529/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXX-ST ngày 14 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Hồng H, sinh năm: 1984; Đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: Phòng X Nhà E..., phường Q, quận H, TP. Hà Nội (Có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Anh Lê Tiến T, sinh năm: 1986; Đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Số ... Tổ ..., phường T, quận H, TP. Hà Nội (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Đỗ Thị Hồng H trình bày:

Chị và anh Lê Tiến T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận H, Thành phố Hà Nội ngày 23/6/2008. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, đây là kết hôn lần thứ nhất của anh chị. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau tại số ... Tổ ..., phường T, quận H, Thành phố Hà Nội. Vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không được vui vẻ hạnh phúc. Từ năm 2018 chị đã chuyển về nhà mẹ đẻ ở khoảng hơn 06 tháng thì hai vợ chồng nói

chuyện với nhau quay lại chung sống, nhưng chỉ là hình thức cho con cái có bố có mẹ mà thôi, còn vợ chồng mỗi người một cuộc sống riêng không quan tâm đến nhau. Đến năm 2019 do tiếp tục không tìm được tiếng nói chung nên chị và các con đã chuyển về nhà mẹ đẻ của chị để sinh sống. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do hai người không tìm được tiếng nói chung về cách sống và cách nuôi dạy con cái. Anh T luôn trong tình trạng đi đêm về khuya, uống rượu về là gây sự ầm ĩ, đánh con cái, cách sống và quan điểm sống của hai người khác nhau hoàn toàn. Mâu thuẫn đã xảy ra, hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả gì. Vợ chồng sống ly thân từ nhiều năm nay không có trách nhiệm gì với nhau. Nay chị xác nhận tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Tiến T nhằm giải phóng cho nhau.

Về con chung: Chị xác nhận chị và anh T có 02 con chung là Lê Hồng M, sinh ngày 28/8/2009 và Lê Đỗ Hồng Q, sinh ngày 09/11/2013. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con và không yêu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị đề nghị chị và anh T tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung; Chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng cho anh Lê Tiến T. Nhưng anh T đều không đến tòa án làm việc và không có ý kiến gì với việc chị H xin ly hôn. Đại diện Tòa án đã phối hợp cùng chính quyền địa phương để tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T, anh chỉ nhận các văn bản tố tụng nhưng không ký vào các biên bản giao nhận của Tòa án. Chính vì vậy không ghi được ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh Lê Tiến T vì mâu thuẫn quá lâu, cuộc sống không có hạnh phúc. Bản thân hai vợ chồng cũng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, mỗi người có một cuộc sống riêng đề nghị Tòa án sớm giải quyết ly hôn để chị ổn định cuộc sống riêng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đã tuân thủ đúng theo trình tự pháp luật quy định. Đối với nguyên đơn chấp hành, thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Đối với bị đơn quá trình giải quyết vụ án đã nhiều lần triệu tập nhưng đều vắng mặt nên không có lời khai và không tiến hành hoà giải được, tại phiên tòa cũng vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị Hồng H đối với anh Lê Tiến T. Về con chung: Ly hôn giao con chung Lê Hồng M, sinh ngày 28/8/2009 và Lê Đỗ Hồng Q, sinh ngày 09/11/2013 cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, vì đây cũng là nguyện vọng của chị H cũng như nguyện vọng của hai cháu, mặt khác anh T cũng không có ý kiến nguyện vọng gì về việc nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T đến khi có sự thay đổi khác; Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị H đề nghị xin tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không

xét. Về nợ chung: Chị H xác nhận không có nên không xem xét. Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào pháp luật để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Đỗ Thị Hồng H có đơn xin ly hôn đối với anh Lê Tiến T, cư trú tại: Số ... Tổ ..., phường T, quận H, TP. Hà Nội. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng cho anh Lê Tiến T, nhưng anh T đều không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến gì đối với việc chị H xin ly hôn. Đại diện Tòa án đã phối hợp cùng chính quyền địa phương để tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh chỉ nhận các văn bản tố tụng và không đồng ý ký vào các biên bản giao nhận của Tòa án. Như vậy anh T đã từ bỏ quyền của mình, do anh T không thực hiện nghĩa vụ của đương sự, nên phải chịu hậu quả do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 29/4/2022 bị đơn là anh Lê Tiến T vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định hoãn phiên tòa và ấn định phiên tòa tiếp theo mở vào hồi 9 giờ 00 phút ngày 13/5/2022. Quyết định hoãn phiên tòa đã được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ngày 13/5/2022 bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Hồng H và anh Lê Tiến T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận H, Thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận kết hôn số 104 ngày 23/6/2008. Xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về tình cảm vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn: Theo tài liệu được địa phương cung cấp quá trình anh T và chị H chung sống tại địa phương đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm được. Từ năm 2019 cho đến nay chị H cùng các con đã chuyển về nhà mẹ đẻ để ở, không sinh sống ở nhà chồng tại số ... Tổ ..., phường T, quận H, TP. Hà Nội nữa. Hiện nay chỉ có anh T đang sinh sống cùng với mẹ đẻ tại đây. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật để giải quyết.

[4] Xét mâu thuẫn của chị H và anh T có thể cho thấy rằng mâu thuẫn của vợ chồng anh chị xảy ra đã từ lâu, đặc biệt mâu thuẫn căng thẳng nhất là từ năm 2019 cho đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn do hai người bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, không có tiếng nói chung, anh T thiếu sự quan tâm đến gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã nhiều lần

thông báo cho anh T đến Tòa án để trình bày nguyên vọng cũng như hòa giải nhưng anh cố tình không đến làm việc, không tham gia các buổi hòa giải, điều đó thể hiện anh T không có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy có thể cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được việc chị H xin ly hôn anh T là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị Đỗ Thị Hồng H đối với anh Lê Tiến T.

[5]. Về con chung: Chị H xác nhận anh chị có 02 con chung là Lê Hồng M, sinh ngày 28/8/2009 và Lê Đỗ Hồng Q, sinh ngày 09/11/2013. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con và không yêu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy nguyện vọng của chị H cũng như nguyện vọng của các cháu Lê Hồng M và Lê Đỗ Hồng Q là phù hợp với pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của các con, chị H có thu nhập ổn định, mặt khác anh T cũng không có ý kiến nguyện vọng gì về việc nuôi con, do vậy nên giao cả hai con chung cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nhưng để đảm bảo quyền lợi cho các con của anh chị nên cần tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh T đến khi có sự thay đổi khác.

[6]. Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị H đề nghị xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7]. Về nợ chung: Chị H xác nhận không có nên không xem xét.

[8]. Về án phí: Chị Đỗ Thị Hồng H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[9]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4, 5 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết).

Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị Hồng H đối với anh Lê Tiến T. Chị Đỗ Thị Hồng H được ly hôn với anh Lê Tiến T.

[2]. Về con chung: Xác định chị H và anh T có 02 con chung là Lê Hồng M, sinh ngày 28/8/2009 và Lê Đỗ Hồng Q, sinh ngày 09/11/2013. Ly hôn, giao con chung Lê Hồng M và Lê Đỗ Hồng Q cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh T đến khi có sự thay đổi khác.

[3]. Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Chị H đề nghị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4]. Về nợ chung: Chị H xác nhận không có nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Đỗ Thị Hồng H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai AA/2020/0011921 ngày 02/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

[6]. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, chị Đỗ Thị Hồng H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Lê Tiến T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận :

- Người tham gia tố tụng
- VKSND Q. Hai Bà Trưng
- VKSND T.P Hà Nội
- TAND T.P Hà Nội
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng
- UBND phường T
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tiến

